



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 29/06/2017 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028 73035556
- Fax: (84) 028 38300702
- Website: www.phuongnam.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (Trừ hoạt động báo chí).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến ngày 31/12/2020 là 110 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 25 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Đinh Gia Lê | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/04/2019 |
| • Ông Lê Huy | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Lê Phương Mai | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Bùi Thu Giang | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 16/04/2018 |
| • Ông Phạm Vĩnh Thái | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Ông Đoàn Xuân Linh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Lê Huy | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Mai Ngọc Liên | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Lê Phương Mai | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/09/2018 |
| • Ông Nguyễn Duy Hùng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/10/2020 |
| • Bà Phạm Lan Anh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 20/09/2018 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 236/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 15/03/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), đính kèm từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		286.849.325.355	325.274.827.202
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	79.812.470.557	74.143.358.069
1. Tiền	111		49.812.470.557	19.143.358.069
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	55.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.670.143.815	73.539.193.977
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	42.454.541.079	39.946.420.021
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.826.233.720	34.549.297.401
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	875.228.983	1.417.317.312
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.485.859.967)	(2.373.840.757)
IV. Hàng tồn kho	140	10	154.011.453.109	174.410.896.392
1. Hàng tồn kho	141		171.099.807.411	181.777.582.619
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.088.354.302)	(7.366.686.227)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.355.257.874	3.181.378.764
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	2.094.146.482	3.181.378.764
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	261.111.392	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		106.731.279.394	80.304.617.298
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.390.369.898	22.342.369.898
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	22.390.369.898	22.342.369.898
II. Tài sản cố định	220		6.406.863.542	3.371.520.171
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.406.863.542	3.371.520.171
- Nguyên giá	222		16.251.397.560	12.461.389.932
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.844.534.018)	(9.089.869.761)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		47.426.736.666	13.807.684.746
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	47.426.736.666	13.807.684.746
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	770.000.000	9.160.872.919
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		770.000.000	18.544.300.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(9.383.427.081)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		29.737.309.288	31.622.169.564
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	29.737.309.288	31.622.169.564
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		393.580.604.749	405.579.444.500

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		153.039.083.887	184.762.735.947
I. Nợ ngắn hạn	310		136.356.109.387	184.762.735.947
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	48.853.138.692	36.130.404.384
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	8.254.521.749	6.464.278.356
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.860.266.127	3.270.742.202
4. Phải trả người lao động	314		6.034.251.540	5.361.715.237
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	8.172.096.879	2.245.215.032
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	406.528.311	16.396.074.295
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	49.833.436.088	104.303.193.900
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.941.870.001	10.591.112.541
II. Nợ dài hạn	330		16.682.974.500	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	16.682.974.500	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		240.541.520.862	220.816.708.553
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	240.541.520.862	220.816.708.553
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(71.500.000)	(71.500.000)
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(11.541.426.210)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	103.615.017.025	119.001.756.070
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	21	1.886.452.483	1.886.452.483
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	46.652.977.564	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.386.739.045	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.266.238.519	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		393.580.604.749	405.579.444.500



Tổng Giám đốc

Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	610.605.501.707	611.106.171.132
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	6.470.701.621	9.338.757.155
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		604.134.800.086	601.767.413.977
4. Giá vốn hàng bán	11	24	440.064.663.342	436.523.059.367
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		164.070.136.744	165.244.354.610
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.096.299.912	2.461.978.083
7. Chi phí tài chính	22	26	6.267.563.730	7.756.478.716
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	4.936.087.691	4.432.410.907
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	76.210.022.246	66.479.852.626
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	35.542.182.526	44.167.493.030
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.146.668.154	49.302.508.321
11. Thu nhập khác	31	28	724.973.494	134.697.273
12. Chi phí khác	32	29	309.019.992	165.731.018
13. Lợi nhuận khác	40		415.953.502	(31.033.745)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49.562.621.656	49.271.474.576
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	11.892.454.765	11.456.126.329
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		37.670.166.891	37.815.348.247
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	3.308	3.139
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	3.308	3.139



Tổng Giám đốc

Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	601.902.522.611	624.096.621.869
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(437.166.362.004)	(565.876.611.277)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(27.354.396.668)	(28.330.420.602)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(5.312.887.022)	(4.246.433.149)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(11.673.259.667)	(10.957.032.968)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.085.109.356	11.382.457.912
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(26.918.783.573)	(18.846.977.616)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	97.561.943.033	7.221.604.169
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(38.056.334.748)	(31.836.228.818)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	272.727.273	134.697.273
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.966.080.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.252.906.452	2.456.791.488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26.564.621.023)	(29.244.740.057)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(11.541.426.210)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	260.400.850.577	232.596.545.867
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(298.187.633.889)	(205.144.596.641)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(65.328.209.522)	11.451.949.226
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.669.112.488	(10.571.186.662)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	74.143.358.069	84.714.544.731
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	79.812.470.557	74.143.358.069

Tổng Giám đốc

Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng



Phạm Lan Anh

Người lập



Nguyễn Thị Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 20/06/2017 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại các loại sách và thiết bị giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (Trừ hoạt động báo chí).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc, thiết bị	2,5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.5 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong niên độ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%;
 - Lịch, thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất 10%;
 - Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	383.486.113	187.658.243
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.428.984.444	18.955.699.826
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	30.000.000.000	55.000.000.000
Cộng	79.812.470.557	74.143.358.069

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh	719.383.160	6.643.225.805
Công ty Cổ Phần Sách - Thiết Bị Trường Học Đắc Lắc	2.167.230.065	722.458.769
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đắc Nông	2.540.059.780	1.267.178.160
Nhà sách Anh Thư	2.163.629.977	2.823.048.480
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	1.158.102.711	2.576.792.287
Các đối tượng khác	33.706.135.386	25.913.716.520
Cộng	42.454.541.079	39.946.420.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	1.158.102.711	2.576.792.287
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	23.375.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	228.841.550	213.046.470
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	-	1.263.150
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	11.723.087	93.835.890
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	431.247.280	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư	86.828.750	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	241.629.377	278.060.520
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	-	431.353.452
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	-	135.370.242
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	-	46.504.467
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	546.363.687	461.260.229
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	18.180.072	-
Cộng		2.746.291.514	4.237.486.707

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP TM Đầu tư và Công Nghệ Hưng Việt	1.727.552.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nhà ở và Khu đô thị	4.476.512.200	14.788.494.000
Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	-	1.388.043.800
Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	-	9.936.091.570
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại VHS	1.660.384.800	1.135.535.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng VINCOSCO	1.375.210.300	529.426.800
Phải trả cho các đối tượng khác	1.586.574.420	6.771.706.231
Cộng	10.826.233.720	34.549.297.401

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về thuế TNCN của NLD	557.116.205	-	888.445.645	-
Tạm ứng	93.000.000	-	290.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	225.080.000	-	220.080.000	-
Lãi dự thu	32.778	-	18.791.667	-
Cộng	875.228.983	-	1.417.317.312	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	22.222.369.898	22.222.369.898
Ký quỹ, ký cược dài hạn	168.000.000	120.000.000
Cộng	22.390.369.898	22.342.369.898

(*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam – bên liên quan của Công ty) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 22,5 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Theo báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán công trình 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 22.222.369.898 đồng (tương ứng tỷ lệ 45%). Ngày 15/12/2018, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 02 nhằm thay đổi tỷ lệ phân chia lợi nhuận trước thuế, cụ thể như sau: Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (37,5%), Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (25%), Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (37,5%).

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	179.948.070	176.934.641
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	791.566.638	835.744.223
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	662.783.239	538.439.010
- Từ 3 năm trở lên	1.851.562.020	822.722.883
Cộng	3.485.859.967	2.373.840.757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	2.113.653.897	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	25.703.059.555	-	23.625.456.935	-
Chi phí SX, KD dở dang	38.585.868.298	-	47.640.486.104	-
Thành phẩm	48.972.284.962	1.934.891.176	51.486.986.308	5.551.232.827
Hàng hóa	55.724.940.699	15.153.463.126	59.024.653.272	1.815.453.400
Cộng	171.099.807.411	17.088.354.302	181.777.582.619	7.366.686.227

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại 31/12/2020 là 17.089.208.394 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2020.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	1.785.196.387	2.011.472.842
Chi phí tổ chức bán thảo, lệ phí xuất bản sách bổ trợ	308.950.095	1.169.905.922
Cộng	2.094.146.482	3.181.378.764

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí tổ chức bán thảo	31.599.000	227.116.816
Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho CBNV	5.560.866.667	6.540.066.667
Chi phí thuê đất (*)	24.144.843.621	24.854.986.081
Cộng	29.737.309.288	31.622.169.564

(*) Xem thuyết minh số 36.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm			Số dư cuối năm		
	Số phải thu/ Còn được khấu trừ	Số phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số phải thu/ Còn được khấu trừ	Số phải nộp
Thuế GTGT	-	491.249.069	607.587.109	1.359.947.570	261.111.392	-
Thuế TNDN	-	1.002.029.384	11.892.454.765	11.673.259.667	-	1.221.224.482
Thuế TNCN	-	1.777.463.749	4.130.588.809	4.269.010.913	-	1.639.041.645
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	3.270.742.202	16.633.630.683	17.305.218.150	261.111.392	2.860.266.127

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	647.275.200	11.485.081.262	329.033.470	12.461.389.932
Mua sắm trong năm	-	4.437.282.828	-	4.437.282.828
T/lý, nhượng bán	647.275.200	-	-	647.275.200
Số cuối năm	-	15.922.364.090	329.033.470	16.251.397.560
Khấu hao				
Số đầu năm	647.275.200	8.113.561.091	329.033.470	9.089.869.761
Khấu hao trong năm	-	1.401.939.457	-	1.401.939.457
T/lý, nhượng bán	647.275.200	-	-	647.275.200
Số cuối năm	-	9.515.500.548	329.033.470	9.844.534.018
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	3.371.520.171	-	3.371.520.171
Số cuối năm	-	6.406.863.542	-	6.406.863.542

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 7.929.394.212 đồng.
- Không có tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
Công trình kho Tân Phú Trung (*)	47.426.736.666	13.807.684.746
Cộng	47.426.736.666	13.807.684.746

(*) Công trình kho Tân Phú Trung được xây dựng tại đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh số 36). Công trình hiện được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (*)	Đang hoạt động	7,50%	7,50%	770.000.000	-	770.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam				-	-	6.000.000.000	1.451.267.081
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFFI)				-	-	11.774.300.000	7.932.160.000
Cộng				770.000.000	-	18.544.300.000	9.383.427.081

(*) Cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định hiện không niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty này có lãi và không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm ngày 31/12/2020. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	16.286.548.291	16.902.821.809
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	1.759.993.598	1.333.821.190
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh	1.269.926.648	4.095.127.374
NXB Pearson (bản quyền tiếng Anh)	5.071.478.120	5.008.856.860
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.901.455.079	1.358.778.842
Công ty TNHH Công nghiệp và Năng lượng Việt Nam	3.193.848.295	-
Công ty Cổ Phần Hóa chất Và Xơ sợi Maruni	3.914.856.264	-
Phải trả cho các đối tượng khác	14.455.032.397	7.430.998.309
Cộng	48.853.138.692	36.130.404.384

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP.HCM	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	1.269.926.648	4.095.127.374
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	422.035.107	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung công ty đầu tư	276.853.330	20.143.400
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư	545.967.350	385.743.540
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	16.286.548.291	16.902.821.809
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	1.759.993.598	1.333.821.190
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	2.901.455.079	1.358.778.842
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	258.680.234	74.962.370
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại Tp.HCM	Chung công ty đầu tư	599.254.087	-
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	293.178.469	102.084.238
Cộng		24.613.892.193	24.273.482.763

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	1.519.973.402	1.167.158.653
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Bà Rịa - Vũng Tàu	1.134.277.713	843.867.225
Công ty Cổ phần giáo dục Tân Việt	1.000.000.000	-
Đối tượng khác	4.600.270.634	4.453.252.478
Cộng	8.254.521.749	6.464.278.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí phải trả về biên tập sách	393.777.804	877.416.929
Chi phí phải trả về phát triển thị trường	1.176.000.000	829.888.500
Chi phí lãi vay phải trả	40.023.631	416.822.962
Phí bản quyền và chi phí bản thảo phải trả	6.493.597.944	-
Chi phí phải trả khác	68.697.500	121.086.641
Cộng	8.172.096.879	2.245.215.032

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	406.528.311	396.074.295
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	16.000.000.000
Cộng	406.528.311	16.396.074.295

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	104.303.193.900	243.717.876.077	298.187.633.889	49.833.436.088
Ngân hàng HSBC	53.549.710.209	145.957.707.569	159.761.327.240	39.746.090.538
Ngân hàng Standard Chartered	35.798.939.527	63.380.545.353	94.877.662.480	4.301.822.400
Ngân hàng HongLeong Bank	14.954.544.164	34.379.623.155	43.548.644.169	5.785.523.150
Cộng	104.303.193.900	243.717.876.077	298.187.633.889	49.833.436.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	-	16.682.974.500	-	16.682.974.500
Ngân hàng HSBC	-	16.682.974.500	-	16.682.974.500
Cộng	-	16.682.974.500	-	16.682.974.500

Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng tín dụng số VNM 160190CM ngày 15/10/2020, với hạn mức là 32.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (30/12/2020). Mục đích vay là để chi trả đến 50% chi phí xây dựng của công trình nhà kho Tân Phú Trung. Lãi suất được sử dụng là tổng của lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 1 tháng/3 tháng/6 tháng/12 tháng bằng VND do Công ty lựa chọn trong Thông báo rút vốn và lãi biên tối đa là 3%.

Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà kho sẽ được hình thành trong tương lai tọa lạc tại Lô A5-2, khu A5, đường D4 & N2, khu công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc trả nợ gốc vay được thực hiện vào ngày đáo hạn, kỳ tính lãi có thời hạn 1 tháng.

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	100.000.000.000	(71.500.000)	-	103.615.017.025	1.886.452.483	16.000.000.000	221.429.969.508
Tăng trong năm	-	-	-	15.386.739.045	-	37.815.348.247	53.202.087.292
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	53.815.348.247	53.815.348.247
Số dư tại 31/12/2019	100.000.000.000	(71.500.000)	-	119.001.756.070	1.886.452.483	-	220.816.708.553
Số dư tại 01/01/2020	100.000.000.000	(71.500.000)	-	119.001.756.070	1.886.452.483	-	220.816.708.553
Tăng trong năm	-	-	(11.541.426.210)	-	-	37.670.166.891	26.128.740.681
Giảm trong năm	-	-	-	15.386.739.045	-	(8.982.810.673)	6.403.928.372
Số dư tại 31/12/2020	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	103.615.017.025	1.886.452.483	46.652.977.564	240.541.520.862

(*) Công ty mua lại cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐQT ngày 03/01/2020. Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua lại là 728.200 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.390.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	49.328.000.000	56.610.000.000
Cổ phiếu quỹ (tính theo mệnh giá)	7.282.000.000	-
Cộng	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

c. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	728.200	-
- Cổ phiếu phổ thông	728.200	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.271.800	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.271.800	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	-	16.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	37.670.166.891	37.815.348.247
Phân phối lợi nhuận	(8.982.810.673)	53.815.348.247
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	(15.386.739.045)	16.000.000.000
- Điều chỉnh trích quỹ đầu tư phát triển	(15.386.739.045)	
- Chia cổ tức cho cổ đông	-	16.000.000.000
Phân phối lợi nhuận kỳ này	6.403.928.372	37.815.348.247
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	15.386.739.045
- Trích khen thưởng phúc lợi	4.520.420.027	4.537.841.790
- Trích quỹ thù lao, khen thưởng Ban điều hành	1.883.508.345	1.890.767.412
- Chia cổ tức cho cổ đông	-	16.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>46.652.977.564</u>	<u>-</u>

- Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 20/NQ-ĐHCD-SED ngày 26/04/2019 và được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 20/NQĐHCD-SED ngày 28/05/2020.
- Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 20/NQĐHCD-SED ngày 28/05/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	378.298.425.261	317.727.917.250
Doanh thu sách tham khảo	209.876.361.782	237.929.569.360
Doanh thu thiết bị giáo dục	4.752.704.542	1.299.338.053
Doanh thu khác (bán giấy)	15.554.146.488	52.391.748.082
Doanh thu từ hoạt động liên doanh	2.123.863.634	1.757.598.387
Cộng	610.605.501.707	611.106.171.132

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
Hàng bán bị trả lại	6.470.701.621	9.338.757.155
Cộng	6.470.701.621	9.338.757.155

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	275.373.039.809	223.824.123.720
Giá vốn sách tham khảo	136.193.215.484	158.486.056.043
Giá vốn thiết bị giáo dục	4.735.773.434	1.886.760.650
Giá vốn sản phẩm khác (bán giấy)	13.145.822.468	48.869.330.490
Giá vốn hoạt động liên doanh	895.144.072	952.834.989
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	9.721.668.075	2.503.953.475
Cộng	440.064.663.342	436.523.059.367

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi	1.141.747.563	2.369.578.083
Cổ tức, lợi nhuận được chia	92.400.000	92.400.000
Chuyển nhượng các khoản đầu tư dài hạn	1.575.207.081	-
Chiết khấu thanh toán	286.945.268	-
Cộng	3.096.299.912	2.461.978.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	4.936.087.691	4.432.410.907
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.331.476.039	921.325.724
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	2.402.742.085
Cộng	6.267.563.730	7.756.478.716

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí vận chuyển	6.208.615.101	5.290.313.722
Tiền lương và các khoản trích theo lương	19.142.048.857	18.183.003.757
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	484.226.626	225.581.376
Chi phí phát triển thị trường	15.474.116.069	16.452.980.335
Chi phí tập huấn	14.234.331.864	10.656.094.579
Các khoản khác	20.666.683.729	15.671.878.857
Cộng	76.210.022.246	66.479.852.626

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền lương và các khoản trích theo lương	14.185.726.741	13.767.941.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	917.712.831	977.669.274
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.112.019.210	765.037.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.407.895.896	17.411.201.072
Các khoản khác	10.918.827.848	11.245.644.299
Cộng	35.542.182.526	44.167.493.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
Thu nhập khác	452.246.221	-
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	272.727.273	134.697.273
Cộng	724.973.494	134.697.273

29. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Các khoản bị phạt thuế	309.019.992	165.731.018
Cộng	309.019.992	165.731.018

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49.562.621.656	49.271.474.576
- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD chính	48.333.902.094	48.466.711.178
- Lợi nhuận từ hoạt động liên doanh	1.228.719.562	804.763.398
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	5.068.713.904	4.694.273.859
Điều chỉnh tăng	5.161.113.904	4.786.673.859
- Chi phí không hợp lệ	4.578.099.995	4.487.174.742
- Chi phí khấu hao xe vượt quá 1,6 tỷ	273.993.917	133.768.099
- Chi phí phạt thuế	309.019.992	165.731.018
Điều chỉnh giảm	92.400.000	92.400.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	92.400.000	92.400.000
Tổng thu nhập chịu thuế	54.631.335.560	53.965.748.435
- Từ hoạt động SXKD chính	53.402.615.998	53.160.985.037
- Từ hoạt động liên doanh	1.228.719.562	804.763.398
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD chính	10.680.523.200	10.632.197.007
Thuế TNDN từ hoạt động liên doanh	245.743.912	160.952.680
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.892.454.765	11.456.126.329
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	10.926.267.112	10.793.149.687
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	966.187.653	662.976.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.670.166.891	37.815.348.247
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(6.403.928.372)	(6.428.609.202)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	6.403.928.372	6.428.609.202
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.266.238.519	31.386.739.045
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.451.356	10.000.000
Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	3.308	3.139

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	110.443.679.307	205.420.807.068
Chi phí nhân công	33.327.775.598	31.950.945.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.401.939.457	1.203.250.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.813.098.228	226.978.497.658
Chi phí khác bằng tiền	32.238.007.104	27.438.154.090
Cộng	369.224.499.694	492.991.654.570

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro về vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty chủ yếu vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Đối với chi phí công in thì các Nhà cung cấp chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nên giá cả ổn định, ít biến động. Đối với chi phí giấy, để đảm bảo tính ổn định giá thành sản phẩm, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động giá và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu phù hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	48.853.138.692	-	48.853.138.692
Chi phí phải trả	8.172.096.879	-	8.172.096.879
Vay và nợ thuê tài chính	49.833.436.088	16.682.974.500	66.516.410.588
Cộng	106.858.671.659	16.682.974.500	123.541.646.159

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	36.130.404.384	-	36.130.404.384
Chi phí phải trả	2.245.215.032	-	2.245.215.032
Vay và nợ thuê tài chính	104.303.193.900	-	104.303.193.900
Phải trả khác	16.000.000.000	-	16.000.000.000
Cộng	158.678.813.316	-	158.678.813.316

Công ty không có rủi ro thanh khoản ngắn hạn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.812.470.557	-	79.812.470.557
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	38.968.681.112	-	38.968.681.112
Phải thu khác	225.112.778	22.390.369.898	22.615.482.676
Cộng	119.006.264.447	23.160.369.898	142.166.634.345

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.143.358.069	-	74.143.358.069
Đầu tư tài chính	-	9.160.872.919	9.160.872.919
Phải thu khách hàng	37.572.579.264	-	37.572.579.264
Phải thu khác	238.871.667	22.342.369.898	22.581.241.565
Cộng	111.954.809.000	31.503.242.817	143.458.051.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ	
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư tài chính Giáo dục	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
Bán hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung ứng lịch, STK	3.903.590.907	1.603.250.001
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	278.606.818	290.043.182
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	123.316.436	85.738.636
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng lịch, STK	102.469.036	92.907.016
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Cung ứng lịch, STK	11.882.997.530	9.598.420.525
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Cung ứng lịch, STK	13.557.443.561	13.808.241.692
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Cung ứng lịch, STK	21.250.000	19.125.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cung ứng lịch, STK	172.727.272	219.210.726
Công ty CP Sách - TB Trường Học TP. HCM	Cung ứng lịch, STK	76.133.676.405	48.618.463.920
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Cung ứng lịch, STK	15.694.883.171	14.564.113.030
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Cung ứng lịch, STK	8.226.895.177	9.227.944.109
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	3.086.966.959	1.619.967.808
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	2.906.228.238	737.095.436
Công ty CP Đầu Tư và Xuất Bản Giáo dục	Cung ứng lịch, STK	3.825.000	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cung ứng lịch, STK	148.930.250	120.286.141
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	49.635.800	75.500.000
Công ty CP Học liệu	Cung ứng lịch, STK	7.392.437.856	2.631.175.704
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng lịch, STK	1.063.480.037	432.551.361
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	2.125.000	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Cung ứng lịch, STK	682.582.640	1.746.096.090
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	19.636.364	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng lịch, STK	4.907.796.710	5.970.312.852
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cung ứng lịch, STK	871.967.280	-
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua SGK, STK	27.422.709.879	47.835.242.530
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	64.245.354.580	34.005.321.532
	Chi phí tổ chức bàn thảo	30.642.468.866	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Mua SGK, STK	6.282.728.234	7.070.506.545
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Mua SGK, STK	1.598.453.330	1.497.189.880
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Mua SGK, STK	3.277.997.770	4.221.137.040
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	479.827.521	198.616.824
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Thành Phố Đà Nẵng	Mua SGK, STK	2.052.050	-
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Mua SGK, STK	5.367.767.654	4.743.821.376
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chi phí tổ chức bàn thảo	5.785.523.150	4.959.167.440
	Mua SGK, STK	12.814.890.018	9.992.191.500
Công ty CP Học liệu	Mua đĩa CD, sách, VPP	12.543.937.638	18.170.162.339
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua sách bổ trợ, STK	2.296.606.684	1.858.289.016
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách tham khảo	5.625.729.602	4.348.515.682
	Tiền nhuận bút, phí tác giả	1.212.124.846	991.576.342
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chi phí in	1.299.601.863	4.221.137.040
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Chi phí phần mềm	171.600.000	231.600.000
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	Mua SGK, STK	2.918.721.515	2.540.942.110
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	Mua SGK, STK	271.906.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Mua SGK, STK	14.156.758.806	6.185.917.183
Công ty CP Bán đồ - Tranh ảnh Giáo dục	Mua SGK, STK	147.786.880	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Mua lịch	9.545.455	-
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng giám đốc			
	Tiền lương của BTGD	2.836.259.009	2.356.129.213
	Tiền thưởng của HĐQT	457.577.732	522.222.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Cam kết thuê hoạt động

Công ty có cam kết thuê hoạt động theo Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 19/01/2018 về việc thuê 12.571,9 m² đất ở Đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê đất kể từ ngày 19/01/2018 đến ngày 16/12/2054 để thực hiện dự án “Kho sách – Giấy Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7731323272 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê đất được trả hằng năm.

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập



Lê Huy

Phạm Lan Anh

Nguyễn Thị Phương

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021